TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT
Ngày 06-12-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Ông Phạm Văn tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 93/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn T; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Triệu Văn B; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Lương Thị Hương L– Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Trung V – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Triệu Thị S; Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T1; Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị T; Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn T2; Vắng mặt.

5. Chị Triệu Thị T; Vắng mặt.

6. Anh Hoàng Viết T; Vắng mặt.

7. Anh Hoàng Văn Đ; Vắng mặt.

8. Chị Trương Minh O, Vắng mặt.

9. Chị Liễu Thị N; Vắng mặt.

10. Bà Triệu Thị L; Vắng mặt.

11. Anh Triệu Văn T; Vắng mặt.

12. Anh Triệu Quang H; Vắng mặt.

13. Chị Đinh Thị T; Vắng mặt.

14. Ông Triệu Văn T; Vắng mặt.

15. Ông Vi Văn T; Vắng mặt.

16. Bà Lộc Thị S; Vắng mặt.

17. Anh Vi Trung Tâm; Vắng mặt.

18. Ông Mã Văn T; Vắng mặt.

19. Ông Mã Văn B. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị S: Ông Hoàng Văn T; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, là nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 09/12/2022). Có mặt.

20. Chị Hoàng Thị T1; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.Vắng mặt.

21. Bà Triệu Thị L1; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

22. Bà Triệu Thị N; cư trú tại: Khu *, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

23. Bà Triệu Thị X; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

24. Bà Triệu Thị M; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

25. Ông Triệu Văn D (đã chết). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Triệu Văn D: Bà Nông Kim M, anh Nông Văn V, chị Nông Thị B; cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị N, bà Triệu Thị X, bà Triệu Thị M: Ông Triệu Văn B; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 28/2/2023). Có mặt.

26. Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Bảo C, phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Triệu Văn B là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, quyết định sửa chữa bổ sung bản án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đất tranh chấp có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và thuộc một phần thửa đất số 539 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã A (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 44.232m^2. Đất tranh chấp được xác định là đất rừng sản xuất thuộc nhóm II. Giá đất theo thị trường là 35.000.000 đồng/ha. Tài sản trên đất gồm: 04 cây hồi đường kính trên 05cm, 600 cây hồi đường kính dưới 02cm, 243 cây mai, 43 cây trám trắng, 02 cây xoan, 80 cây nứa, 78 cây thông, 32.077 cây vầu (tính tương đối theo mật độ 2,8 cây/m^2) và 66 cây kháo, 983 cây vối, 524 cây sau sau, 393 cây thẩu tấu, 656 cây bồ đề (tính tương đối theo ô tiêu chuẩn trên diện tích 32.776m^2 đất, do trong diện tích rừng vầu 11.546m không có những cây này, trong mỗi 500m^2 ô tiêu chuẩn có 01 cây kháo, 15 cây vối, 08 cây sau sau, 06 cây thẩu tấu, 10 cây bồ đề).

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 12-4-2023 do Giám định viên tư pháp ông Đàm Văn T thực hiện đã kết luận: Khu đất tranh chấp có diện tích 34.511m^2 có vị trí thuộc một phần diện tích của thửa số 539 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 tỷ lệ 1:10000 xã A (nay là xã B) năm 2009. Vị trí khu đất tại thời điểm đo đạc lập bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009 thuộc thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có vị trí phù hợp với một phần diện tích lô 9b, tờ bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A. Theo Sổ lâm bạ xã A, lô số 9b có diện tích 7,0ha, thuộc địa danh N thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được ghi tên chủ hộ Vi T; có vị trí không phù hợp với lô số 6, diện tích 5,7ha và lô số 6b, diện tích 13ha được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 15/3/1996 cho hộ ông Triệu Văn P.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Từ khoảng năm 1970 ông theo bố mẹ đến ở tại khu P, Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thời điểm đó bố

mẹ ông khai phá được khoảng 20.000m^2 đất, chính là khu đất hiện nay gia đình ông đang ở và đất phía sau nhà của ông, thuộc lô số 12 + 8 và lô số 1 theo tờ bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A, đất này gia đình ông quản lý, sử dụng ổn định, hiện đang trồng cây thông. Đất tranh chấp nằm ở bên kia dông đồi. Trước năm 1982, khu đất này bỏ hoang, không ai quản lý sử dụng. Đầu năm 1982 ông lấy bà Triệu Thị S, đến tháng 8/1982 vợ chồng ông bắt đầu khai phá khoảng 46.000m^2 là đất tranh chấp hiện nay. Từ khi khai phá đến nay gia đình ông vẫn canh tác, sử dụng ổn định, trồng và khai thác mai, tre, nứa, hồi, hồng… Hiện nay, trên diện tích đất tranh chấp có 05 bụi mai và 04 bụi nứa do ông trồng từ khoảng năm 1982 đến năm 1987; 02 cây hồi do ông trồng từ khoảng năm 1996 - 1998. Trước đây trên đất tranh chấp có một số bụi nứa của các cụ nhà ông Mã Văn B trồng, có vị trí gần bụi mai do ông trồng hiện nay nhưng đã chết từ khoảng năm 2010. Vợ chồng ông vẫn thường xuyên phát quang, giữ gìn không cho trâu bò vào phá cây, vẫn quản lý, sử dụng những cây này, thường xuyên hái măng, nhặt trám mang về ăn và mang đi bán. Từ năm 1982 đến năm 1984 gia đình ông trồng ngô, lúa nương, sắn, gừng trên đất tranh chấp; khoảng năm 1997 - 1998 trồng sắn ở hai bên đường mòn (khu rừng vầu và khu đất đối diện rừng vầu), đến nay các cây này không còn. Từ khoảng năm 1997 – 1998 trên khu đất tranh chấp phía rừng vầu có một đầu nguồn nước, thời điểm đó gia đình ông canh tác trồng ngô, lúa nương, sắn, mai trên khu đất tranh chấp, khi đó những người dân trong làng đến lấy nước về dùng đều biết quá trình gia đình ông canh tác trên đất tranh chấp. Khoảng năm 1998 gia đình ông có tham gia dự án Pam, ông đã đem trồng cây hồi ở khu đồi P (phía bên kia dông đồi của đất tranh chấp, thuộc lô đất số 1 và lô số 12+8 tờ bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A) khoảng 70 cây, trồng trên đất tranh chấp khoảng 30 cây nhưng đến nay chỉ còn 02 cây còn sống. Đến năm 2008, cơ quan có thẩm quyền đến làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị đơn cho rằng đất tranh chấp là của gia đình bị đơn nên gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2008 đến đầu năm 2022, gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng đất này, gia đình bị đơn không ai có ý kiến gì. Đến tháng 3/2022 bị đơn trồng các cây hồi non trên toàn bộ đất tranh chấp. Khi nhà bị đơn trồng cây hồi, ông đã có ý kiến không cho trồng nhưng bị đơn cho rằng đây là đất của bị đơn nên họ vẫn trồng. Sau đó, ông đã báo sự việc đến xã, thôn để tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai. Đối với đất tranh chấp gia đình ông chưa được Nhà nước cấp giấy tờ gì. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp khoảng 46.000m^2 tại Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu bị đơn di dời các cây hồi con trên đất, yêu cầu được sở hữu toàn bộ các cây còn lại trên đất. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 9.721m^2 đất tranh chấp nằm ngoài lô số 9b theo tờ bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A; yêu cầu được quản lý, sử dụng đối với 34.511m^2 đất có vị trí đỉnh thửa B1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-B6-A10-B4-B2 tại Phụ lục kèm theo Bản án. Về tài sản trên đất, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu bị đơn phải di dời các cây hồi con trên đất nữa mà yêu cầu được sở hữu

toàn bộ các cây trên đất. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000đồng là chi phí và công sức trồng cây hồi con.

Bị đơn ông Triệu Văn B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ bị đơn để lại, chưa chia cho các con, diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất 13.000m^2 thuộc lô 6b, bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A tại địa danh Khun Thai, Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được Ủy ban nhân dân huyện V giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 15/3/1996 cho hộ ông Triệu Văn P (bố của bị đơn). Theo phong tục tập quán thì đất đai chỉ chia cho các con trai. Từ tháng 9/1996 đến năm 2000 bị đơn đi chấp hành án; từ 2000- 2007 bị đơn đi làm ăn ở xã Tân Thanh, sau đó về sống tại thôn Đ, xã B đến nay; năm 2000, bị đơn có được nghe ông Triệu Văn P nói có trồng hồi trên đất tranh chấp, tuy nhiên bị đơn không quản lý, không sử dụng nên không để ý. Từ năm 1982 đến năm 1996, gia đình nguyên đơn có vào làm nương trên đất tranh chấp, trồng cây măng mai. Đến năm 1996, sau khi Nhà nước giao đất thì gia đình nguyên đơn không quản lý, sử dụng nữa, tuy nhiên đến nay gia đình bị đơn vẫn cho gia đình nguyên đơn vào lấy măng ở những bụi mai này. Hiện nay trên đất tranh chấp có 02 cây hồi to bị đơn không biết do ai trồng hay tự mọc; các bụi mai do nguyên đơn trồng từ năm 1982; các cây hồi con do vợ chồng bị đơn trồng từ tháng 3/2022; còn lại là các cây mọc tự nhiên. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Triệu Văn T trình bày: Từ trước tới nay gia đình ông không trồng cây gì trên đất tranh chấp, chỉ thỉnh thoảng vào lấy măng, phát rừng. Khoảng năm 1998 - 1999 gia đình ông có tham gia dự án Pam. Khi đó, gia đình ông chỉ trồng cây ở khu đồi K là phần đất tiếp giáp với đất tranh chấp (cách đất tranh chấp 01 khe lớn và 01 khe nhỏ), không trồng cây trên đất tranh chấp. Hiện nay, ông vẫn đang quản lý, sử dụng ổn định phần đất này. Thời điểm đó bị đơn đi chấp hành án và đi làm ăn xa nhà, các anh chị em đều đã đi lấy chồng, lấy vợ ở xa, chỉ có mình ông và bố mẹ ở nhà.

Ông Vi Văn T trình bày: Từ nhỏ ông đã thấy gia đình nguyên đơn canh tác, sử dụng đất tranh chấp, thấy họ trồng sắn, mai trên diện tích đất tranh chấp có rừng vầu hiện nay, trồng sắn trên diện tích đất tranh chấp sát đường mòn (phía trên đường mòn, bên kia rừng vầu). Khoảng năm 1997 – 1998, gia đình ông và một số những người trong làng có được sử dụng nước ở nguồn nước nơi đất tranh chấp hiện nay. Từ khi đó ông đã thấy gia đình nguyên đơn trồng cây mai ở đất này. Gia đình ông và gia đình bị đơn chưa bao giờ có hoạt động quản lý, sử dụng đối với đất tranh chấp. Ông xác định mình không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này; không có yêu cầu, đề nghị gì. Khoảng năm 1996 khi tham gia thực hiện dự án PAM, gia đình ông không trồng cây trên diện tích đất tranh chấp.

Ông Mã Văn T trình bày: Từ khoảng năm 1995 – 1996 khi cùng một số gia đình trong làng sử dụng nước đầu nguồn nơi đất tranh chấp hiện nay, ông đã thấy gia đình nguyên đơn trồng lúa nương, sắn, mai trên đất tranh chấp. Đối với

phần diện tích đất 2.763m^2 có vị trí đỉnh thửa B7-B6-A8-A9 theo Phụ lục kèm theo bản án mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Ông Mã Văn B trình bày: Từ khi ông 16 - 17 tuổi đến khoảng năm 2004 – 2005, ông vẫn thấy gia đình nguyên đơn trồng sắn, mai, hái măng trên đất tranh chấp (phía có rừng vầu); còn phần đất đồi P từ trước tới nay vẫn là rừng tự nhiên không ai trồng gì. Đối với phần diện tích đất 2.310m^2 có vị trí đỉnh thửa B4-A10-B5 và A10-B6-B7 thuộc một phần lô số 02 tại Phụ lục kèm theo bản án mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, ông không có ý kiến, yêu cầu gì. Đối với 04 bụi nứa trên đất tranh chấp là từ thời cụ của ông trồng, đến nay nhà ông không còn quản lý, sử dụng những bụi nứa này nữa. Do đó, ông không có yêu cầu, đề nghị gì đối với những bụi nứa này; trường hợp Tòa án giải quyết quyền sử dụng đất cho ai thì người đó được sở hữu.

UBND xã B, huyện V trình bày: Đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã. Đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho các hộ gia đình có đủ điều kiện được quản lý và sử dụng phần diện tích đất tranh chấp theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 9.721m^2 đất thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp số 01 xã A (cũ), tại địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về quyền sở hữu các tài sản trên diện tích 9.721m^2 đất nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích 34.511m^2 đất tại địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã A (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1:10.000, được xác định bằng các điểm B1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-B6-A10-B4-B2 theo Phụ lục kèm Bản án.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về việc được quyền sở hữu toàn bộ các cây trên diện tích 34.511m^2 đất tranh chấp gồm 04 cây hồi đường kính trên 05cm, 499 cây hồi đường kính dưới 02cm, 243 cây mai, 43 cây trám trắng, 02 cây xoan, 80 cây nứa, 78 cây thông, 32.077 cây vầu (tính tương đối theo mật độ 2,8 cây/m^2) và 46 cây kháo, 692 cây vối, 369 cây sau sau, 277 cây thẩu tấu, 461 cây bồ đề (tính tương đối theo ô tiêu chuẩn trên diện tích 23.055m^2 đất, trong mỗi 500m^2 ô tiêu chuẩn có 01 cây kháo, 15 cây vối, 08 cây sau sau, 06 cây thẩu tấu, 10 cây bồ đề).

Ông Hoàng Văn T phải trả cho ông Triệu Văn B và bà Triệu Thị L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kê khai, đăng ký biến động và đăng ký quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp, chi phí tố tụng, án phí và lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Triệu Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Viện trưởng VKSND tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng do vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và các vi phạm khác.

Tại cấp phúc thẩm: Đã thu thập bổ sung thêm lời khai của ông Hoàng Văn T và ông Triệu Văn B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Trung V cung cấp bổ sung biên bản làm việc với ông Mã Văn B ngày 19/11/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Triệu Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Trung V trình bày: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện trên phần lớn diện tích đất tranh chấp chỉ có các cây tạp mọc tự nhiên trong đó có một số cây rất to, do đó việc nguyên đơn khai gia đình nguyên đơn trồng ngô, sắn trên diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ. Chính nguyên đơn cũng thừa nhận gia đình nguyên đơn có trồng thông tại phần đất giáp với đất tranh chấp. Xét về đặc điểm rừng của khu đất tranh chấp thì phù hợp với rừng nhà bị đơn hơn. Lời khai của ông Mã Văn B và ông Mã Văn T có trong hồ sơ thể hiện gia đình nguyên đơn chỉ sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp phía khu vực rừng vầu, nơi có khe nước phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Gia đình bị đơn thường xuyên vào rừng phát cây, hái củi nên mới còn có những cây to tồn tại đến bây giờ.

Kết luận giám định không phù hợp với hồ sơ giao đất giao rừng, ông Vi Văn T không quản lý sử dụng đất nhưng trong sổ lâm bạ lại có tên điều đó thể hiện hồ sơ giao đất có vấn đề, người đang trực tiếp quản lý thì không có tên. Nguyên đơn trình bày năm 2008, nguyên đơn đã kê khai để được cấp GCNQSDĐ nhưng bị gia đình bị đơn ngăn cản nhưng nguyên đơn không báo với chính quyền địa phương và từ đó đến nay nguyên đơn cũng không hề có tác động gì đến diện tích đất tranh chấp. Sau khi bị đơn trồng cây hồi con được hơn một tháng thì gia đình nguyên đơn mới đến tranh chấp, do đó bị đơn trồng cây trên đất không xâm phạm quyền lợi của nguyên đơn. Các nhân chứng trong vụ án đều có mâu thuẫn với phía bị đơn nên lời khai của những người này không đảm bảo tính khách quan. Nguyên đơn chỉ trồng sắn trên một phần diện tích đất tranh chấp nhưng bản án sơ thẩm lại giao cho nguyên đơn quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp là không phù hợp. Kết quả định giá xác định giá các cây hồi do gia đình bị đơn trồng là 60.000.000đồng nhưng bản án công nhận việc

nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn 20.000.000đồng là không phù hợp. Thẩm phán sơ thẩm đính chính nội dung vụ án vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để xác minh, làm rõ diện tích đất thực tế nguyên đơn trồng ngô, sắn ở vị trị nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trình bày đối với Kháng nghị: Đối với tài sản cây trên đất phần diện tích đất nguyên đơn được chấp nhận và phần diện tích đất đã rút yêu cầu, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập làm rõ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất ai quản lý, sử dụng đất tranh chấp thì được sở hữu tài sản là cây trên đất mà không cần xác định cụ thể số lượng. Bản án sơ thẩm có thiếu sót như nêu trên tuy nhiên đã được làm rõ tại phiên tòa và không làm thay đổi bản chất nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Do đó, Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần này. Đối với phần những vi phạm khác của bản án sơ thẩm, viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Ông Hoàng Văn T giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện tại cấp sơ thẩm, ông không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lương Thị H trình bày: Xét về quá trình quản lý, sử dụng thì gia đình nguyên đơn có quá trình quản lý liên tục, cụ thể: Nguyên đơn thường xuyên hái củi, phát quang, khoanh nuôi bảo vệ phòng chống cháy rừng nên các cây gỗ tự nhiên mới còn đến bây giờ. Việc gia đình nguyên đơn quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp có xác nhận của chính quyền địa phương. Gia đình bị đơn đều xác định các cây mai, nứa trên đất là do nguyên đơn trồng, gia đình bị đơn chỉ vào hái củi. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ các bên đều có mặt và nhất trí không có ý kiến khiếu nại gì về biên bản. Việc cấp sơ thẩm đã sửa chữa bổ sung bản án là do nhầm lẫn về số liệu nên đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, chấp nhận một phần kháng nghị đề nghị sửa lời tuyên của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; có đương sự vắng mặt nhưng người được ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Xét về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất thấy rằng việc sử dụng đất của gia đình nguyên đơn có một số hộ liền kề đất tranh chấp như ông Triệu Ký L, Hoàng Văn L xác nhận, ông Vi Văn T cũng xác định gia đình bị đơn chưa bao giờ quản lý sử dụng trồng cây trên đất, mà do gia đình nguyên đơn trồng. Đến tháng 3 năm 2022, khi gia đình bị đơn trồng cây hồi con trên đất thì phát sinh tranh chấp nên không có căn cứ chứng minh quá trình sử

dụng đất; có cơ sở xác định gia đình nguyên đơn có quá trình quản lý, sử dụng đất. Do đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

3. Đối với Quyết định kháng nghị: Đối với tài sản là cây trên đất phần diện tích đất nguyên đơn được chấp nhận và phần diện tích đất nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập làm rõ, vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ theo quy định Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có các vi phạm khác: Bản án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, nhưng không tuyên hậu quả của việc đình chỉ về việc đương sự có quyền khởi kiện lại phần diện tích đất này là không đúng quy định, vi phạm Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại mục 3 phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên cho ông Hoàng Văn T được sở hữu toàn bộ số cây trên đất tranh chấp nhưng không nêu rõ diện tích đất tranh chấp là bao nhiêu; trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án sơ thẩm cũng không xác định số cây trên đất như bản án sơ thẩm tuyên. Đồng thời, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm ghi nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 20.000.000 đồng, nhưng tại phần quyết định lại tuyên ông Hoàng Văn T phải trả cho ông Triệu Văn B, bà Triệu Thị L 20.000.000 đồng là mâu thuẫn và cũng không tuyên nghĩa vụ chậm trả tiền đối với số tiền này là không đúng quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Không xác định nghĩa vụ chịu án phí của ông Hoàng Văn T đối với số tiền phải thanh toán cho ông Triệu Văn B là thiếu sót. Đối với quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm thấy: Tòa án sơ thẩm sửa chữa sau khi Viện kiểm sát đã ban hành kháng nghị nên không có căn cứ.

Từ những nội dung trên thấy Tòa án có vi phạm trong việc thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, do đó kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất ai quản lý, sử dụng đất tranh chấp thì được sở hữu tài sản là cây trên đất mà không cần xác định cụ thể số lượng cây trên đất. Bản án sơ thẩm có thiếu sót như nêu trên tuy nhiên đã được làm rõ tại phiên tòa và không làm thay đổi bản chất nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung vi phạm này là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn B, sửa Bản án 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng với nội dung như nêu trên.

Về án phí phúc thẩm: Ông Triệu Văn B được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn B yêu cầu: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm thấy rằng:

[3] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được quản lý sử dụng 46.000m^2 thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã A (nay là Bắc Hùng), huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu các cây trên đất.

[4] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, xác định tổng diện tích đất là 44.232m^2 thuộc một phần thửa 539, tài sản trên đất có 04 cây hồi đường kính trên 05cm, 600 cây hồi đường kính dưới 02cm, 243 cây mai, 43 cây trám trắng, 02 cây xoan, 80 cây nứa, 78 cây thông, 32.077 cây vầu (tính tương đối theo mật độ 2,8 cây/m^2) và 66 cây kháo, 983 cây vối, 524 cây sau sau, 393 cây thẩu tấu, 656 cây bồ đề (tính tương đối theo ô tiêu chuẩn trên diện tích 32.776m^2 đất, do trong diện tích rừng vầu 11.546m không có những cây này, trong mỗi 500m^2 ô tiêu chuẩn có 01 cây hháo, 15 cây vối, 08 cây sau sau, 06 cây thẩu tấu, 10 cây bồ đề). Sau khi có kết quả chồng ghép bản đồ giao đất, giao rừng với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2009, xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần lô số 01, 02, 03, 12+8, 9b, trong đó lô số 01 được giao cho nguyên đơn, lô số 9b giao cho ông Vi Văn T, do đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 9.721m^2 thuộc một phần lô số 01, 02, 03, 12+8, chỉ yêu cầu giải quyết diện tích tranh chấp là 34.511m^2 thuộc lộ 9b và yêu cầu sở hữu cây trên diện tích đất tranh chấp.

[5] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp thấy: Nguyên đơn cho rằng trước năm 1982, khu đất tranh chấp bỏ hoang, không ai quản lý sử dụng. Đến năm 1982, vợ chồng ông bắt đầu khai phá khoảng diện tích đất tranh chấp hiện nay, phần đất tranh chấp tiếp giáp liền với phần đất mà nhà ông đã quản lý, sử dụng ổn định trước đó. Gia đình nguyên đơn được giao diện tích đất rừng ở bên kia dông đồi, thuộc lô số 1 và lô số 12+8, xã A, có vị trí giáp ranh với đất tranh chấp, đã trồng ổn định các cây thông từ khoảng năm 1998, hiện nay các cây này vẫn còn trên đất.

[6] Bị đơn cho rằng đất tranh chấp thuộc lô số 6b, bố đẻ bị đơn là ông Triệu Văn P đã được giao đất theo Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 15/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định tư pháp ngày 12/4/2023 kết luận khu đất tranh chấp có vị trí phù hợp với một phần diện tích lô 9b, tờ bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã A; có vị trí không phù hợp với lô số 6 và lô số 6b đã giao cho hộ ông Triệu Văn P. Do đó khẳng định diện tích đất tranh chấp chưa được giao cho hộ gia đình bị đơn.

[7] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp thấy: Gia đình nguyên đơn vẫn canh tác, sử dụng ổn định, trồng và khai thác ngô, lúa nương, sắn, gừng,

mai, nứa, hồi, hồng trên đất tranh chấp. Điều này phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định cũng như lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết quả xác minh, hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã và phù hợp với lời khai của bị đơn và ông Triệu Văn T về việc gia đình nguyên đơn có trồng các bụi mai, khoảng năm 1982 đến năm 1984 có trồng lúa, sắn, gừng ở khu vực giếng cạn và từ trước đến nay vẫn vào hái măng trên đất tranh chấp.

[8] Mặt khác, hiện nay gia đình bị đơn (cụ thể là ông Triệu Văn T) đã và đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất cách khu đất tranh chấp bằng một khe lớn, một khe nhỏ và một phần đường mòn từ khoảng năm 1998 – 1999. Như vậy có thể thấy rằng, ranh giới quản lý, sử dụng đất đã có sự tách biệt rõ ràng.

[9] Phía bị đơn cho rằng từ trước đến nay ngoài những cây hồi con trồng sau thời điểm phát sinh tranh chấp thì gia đình bị đơn không trồng cây gì trên đất tranh chấp, thỉnh thoảng vào lấy măng, phát quang rừng, không cho ai sử dụng nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh quá trình quản lý, sử dụng của mình.

[10] Gia đình nguyên đơn có quá trình quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định, lâu dài không có tranh chấp từ khoảng năm 1982 đến năm 2008. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất đã trồng các cây mai, hồi, lúa, sắn, gừng và thu hoạch, chăm sóc cây, không có tranh chấp nên thuộc trường hợp được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

[11] Như vậy, phía bị đơn cho rằng có quá trình, quản lý sử dụng đất là không có cơ sở. Ngược lại, phía nguyên đơn vẫn thường xuyên quản lý, sử dụng đất, quản lý cây có trên đất. Đến năm 2022, khi phía bị đơn trồng cây hồi con trên đất thì mới phát sinh tranh chấp là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 34.511m^2 đất thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã A (nay là Bắc Hùng), huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn của nguyên đơn là có căn cứ.

[12] Đối với tài sản trên đất tranh chấp: Việc bị đơn trồng các cây hồi con trên thửa đất này là đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn; vi phạm quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, không sử dụng đất theo đúng ranh giới thửa đất theo quy định tại khoản 5 Điều 105; khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai 2003 và khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 170 Luật Đất Đai 2013.

[13] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ căn cứ xác định toàn bộ 34.511m^2 đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của nguyên đơn. Để thuận tiện cho quá trình quản lý, sử dụng, nguyên đơn đã đồng ý sở hữu các cây hồi con và thanh toán 20.000.000đồng là chi phí và công sức trồng cây hồi con cho bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế khách quan.

[14] Về chi phí tố tụng: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích 9.721m^2 đất nên phải chịu 4.505.347 đồng.

[15] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với tổng số tiền 18.494.653 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng như cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 20.000.000đồng thanh toán cho gia đình bị đơn. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

[17] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, kháng cáo của bị đơn được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[18] Xét thấy, cấp sơ thẩm có một số vi phạm sau:

[19] Thứ nhất: Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 9.721m^2, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập làm rõ số cây còn lại trên diện tích đất 34.511m^2 mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết, nhưng Bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được sở hữu toàn bộ các cây trên diện tích 44.232m^2 là vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ theo Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, bản án sơ thẩm không nhận định số cây trên đất tranh chấp mà nguyên đơn được quản lý, sử dụng, nhưng lại quyết định là mâu thuẫn, không có cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất ai quản lý, sử dụng đất tranh chấp thì được sở hữu tài sản là cây trên đất mà không cần xác định cụ thể số lượng. Do đó, vi phạm này đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

[20] Thứ 2: Bản án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với diện tích 9.721m^2 đất thuộc một phần thửa đất do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nhưng không tuyên việc đương sự có quyền khởi kiện lại phần diện tích đất này là không đúng quy định, vi phạm Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[21] Thứ 3: Tại phần nhận định ghi nhận nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 20.000.000đồng nhưng tại phần Quyết định lại buộc ông Hoàng Văn T phải trả cho ông Triệu Văn B và bà Triệu Thị L số tiền 20.000.000 đồng là mâu thuẫn.

[22] Thứ 4: Mặc dù đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn, xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chưa xác định nghĩa vụ chịu án phí của ông Hoàng Văn T đối với số tiền 20.000.000đồng phải thanh toán cho ông Triệu Văn B là sai sót.

[23] Do vậy, cần sửa Bản án sơ thẩm đối với các vi phạm nêu trên. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[24] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đề nghị nào phù hợp với

nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn B; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26; điểm h khoản 1 Điều 64, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 5 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1, 5 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 229; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T.

1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất và nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 9.721m^2 đất và tài sản trên đất thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp số 01 xã A (cũ), tại địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, trong đó:

- Diện tích 2.763 m^2 vị trí đỉnh thửa được xác định bởi các điểm B7-B6-A8-A9 theo Phụ lục kèm bản án.

- Diện tích 3.797 m^2 vị trí đỉnh thửa được xác định bởi các điểm A1-B1-B2-B3-A12-A14 theo Phụ lục kèm bản án.

- Diện tích 851m^2 vị trí đỉnh thửa được xác định bởi các điểm B2-B4-B5-A11-B3 theo Phụ lục kèm bản án.

- Diện tích 1.269m^2 vị trí đỉnh thửa được xác định bởi các điểm B4-A10-B5 theo Phụ lục kèm bản án.

- Diện tích 1.041m^2 được xác định bởi các điểm A10-B6-B7 vị trí đỉnh thửa theo Phụ lục kèm theo bản án.

Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với những yêu cầu khởi kiện đã đình chỉ xét xử nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.2. Ông Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 34.511m^2, thuộc một phần thửa số 539, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã A (nay là Bắc Hùng), huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1:10.000, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có ký hiệu đỉnh thửa B1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-B6-A10-B4-B2 được thể hiện tại Phụ lục kèm Bản án, có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc tiếp giáp một phần thửa đất số 539, có cạnh B1–A2 dài 90,5m;

- Phía Bắc tiếp giáp một phần của thửa đất số 539, có cạnh A2-A3 dài 74,2m;

- Phía Đông tiếp giáp một phần của thửa đất số 539, có các cạnh A3-A4 dài 71,3m; A4-A5 dài 121,8m; A5- A6 dài 27,4m;

- Phía Đông Nam tiếp giáp một phần thửa 582, có các cạnh A6-A7 dài 44,9m; A7-A8 dài 138,4m;

- Phía Nam tiếp giáp xã Hoàng Việt ở điểm A8;

- Phía Tây tiếp giáp một phần thửa 539, có các cạnh A8-B6 dài 87,1m; B6-A10 dài 88,5m; A10-B4 dài 100,2m và một phần còn lại của thửa 539, có các cạnh B4-B2 dài 46m; B2-B1 dài 106,2m.

1.3. Ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã nêu tại mục 1.2. theo quy định của pháp luật đất đai.

1.4. Ông Hoàng Văn T được sở hữu toàn bộ các cây có trên đất nêu ở mục 1.2..

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn T về việc hỗ trợ gia đình ông Triệu Văn B số tiền 20.000.000đồng chi phí trồng cây hồi con.

1.5. Buộc ông Triệu Văn B, bà Triệu Thị L, anh Triệu Văn T, anh Triệu Quang H, chị Đinh Thị T, ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị N, bà Triệu Thị X, bà Triệu Thị M, bà Nông Kim M, anh Nông Văn V, chị Nông Thị B chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 1.2 với hộ gia đình ông Hoàng Văn T.

III. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn T phải chịu 4.505.347 (bốn triệu năm trăm linh năm nghìn ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng chi phí tố tụng. Xác nhận ông Hoàng Văn T đã nộp đủ.

Bị đơn ông Triệu Văn B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định với tổng số tiền là 18.494.653 (mười tám triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng để trả cho ông Hoàng Văn T tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định mà ông Hoàng Văn T đã nộp tạm ứng.

IV. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

V. Về án phí

1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T và ông Triệu Văn B được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.V, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- .....;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lộc Sơn Thái